

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 8 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Xuân Tình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Kim Bằng.

2. Ông Cao Chí Khá.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp M, xã T, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp T, xã H, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Bà và ông C tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào năm 2017. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Do đó, nguyên đơn khởi kiện xin được ly hôn với xin được ly hôn với ông Lê Văn C.

Về con chung: có 01 con chung là Lê Hoàng T (Giới tính: nam) sinh ngày 16/01/2017, hiện đang sinh sống cùng bà. Bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn C vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu; ông Lê Văn C vắng mặt nên chưa có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Văn C và được nuôi con chung nên Tòa án xác định đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lê Văn C cư trú tại ấp T, xã H, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xét xử vắng mặt: Bị đơn ông Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn C.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Lê Văn C đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào năm 2017. Do đó, hôn nhân giữa bà T và ông C là hợp pháp. bà T yêu cầu ly hôn với ông C là do vợ chồng bất đồng ý kiến, ông bà đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Vì vậy, bà T cương quyết xin ly hôn. Trong khi đó, ông C bỏ mặc, không đến Tòa án để trình bày ý kiến. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân giữa bà T và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, cho bà T ly hôn với ông C là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông C có 01 con chung là Lê Hoàng Thanh (Giới tính: nam) sinh ngày 16/01/2017, bà yêu cầu được nuôi con chung. Hiện nay, cháu Thanh còn nhỏ và đang sống chung với mẹ là bà T. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống và đảm bảo tốt nhất quyền lợi về mọi mặt của cháu Thanh, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: bà T không yêu cầu, ông C chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 53, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Lê Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Hoàng T (Giới tính: nam) sinh ngày 16/01/2017 cho bà Trần Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Văn C chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do bà Trần Thị T chưa có yêu cầu. Ông Lê Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do chưa có yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

4. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị T đã nộp theo biên lai số 0001429 ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, bà Trần Thị T không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- UBND xã T, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Xuân Tình

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Kim Bằng

Cao Chí Khá

Huỳnh Xuân Tình

